

Số: 429 /TB-QBVR

Điện Biên, ngày 26 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO

**Tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2020 lưu vực Sông Đà
cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên**

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND, ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý năm 2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 746/QĐ-UBND, ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch chi và dự toán chi quản lý năm 2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-UBND, ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc quy định số lần, thời gian, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 1797/UBND-TN, ngày 24/11/2020 của UBND huyện Nậm Pồ về việc đề nghị xem xét tổ chức nghiệm thu và chi trả kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2019 và tạm ứng năm 2020;

Trên cơ sở biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả DVMTR tạm ứng năm 2020 lưu vực Sông Đà theo kết quả theo dõi diễn biến rừng 6 tháng đầu năm 2020 và kết quả kiểm tra, xác minh diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2020 trên địa bàn huyện Nậm Pồ.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên thông báo tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2020 lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Nậm Pồ, cụ thể như sau:

1. Thời gian chi tạm ứng

Quỹ tỉnh chuyển tiền tạm ứng DVMTR năm 2020 lưu vực Sông Đà qua tài khoản ngân hàng cho các chủ rừng, thời gian chuyển tiền trong quý IV năm 2020.

2. Tổng diện tích rừng đủ điều kiện tạm ứng: 46.155,425 ha

3. Tổng số tiền chi tạm ứng: 9.231.085.000 đồng

(có biểu chi tiết kèm theo tại biểu 01)

4. Tổng diện tích rừng chưa đủ điều kiện tạm ứng: 3.093,410 ha

(có biểu chi tiết kèm theo tại biểu 02)

Lý do các chủ rừng chưa đủ điều kiện tạm ứng:

- UBND xã không xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng theo quy định.

- Chủ rừng đã chết.

- Chủ rừng không tham gia kiểm tra thực địa đối với diện tích rừng cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà.

5. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị UBND huyện Nậm Pồ: Điều chỉnh những sai khác giữa quyết định và bản đồ giao đất, giao rừng; bản giao bản đồ giao đất, giao rừng cho các chủ rừng còn thiếu về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh làm căn cứ chi trả tiền DVMTR cho chủ rừng.

- Đề nghị UBND các xã:

+ Niêm yết công khai, thông báo đến các chủ rừng biểu thông báo tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2020 tại UBND xã;

+ Thông báo tới các chủ rừng nhận tiền DVMTR khi Ngân hàng có thông báo chi trả trong ngày giao dịch tại UBND xã.

- Đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội thông báo kế hoạch chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng.

- Đề nghị các chủ rừng nhận tiền DVMTR tại UBND xã trong ngày giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội, nhận tiền khi Ngân hàng có thông báo chi trả.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên thông báo tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Nậm Pồ. Đề nghị các chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện./

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- UBND huyện Nậm Pồ (b/c);
- Hạt Kiểm lâm huyện Nậm Pồ;
- Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Nậm Pồ (phối hợp);
- UBND các xã;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, địa chỉ: <http://fpdf.dienbien.gov.vn>;
- Lưu: VT, KH-KT

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

**TỔNG SỐ TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2020, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NẬM PỒ**

TT	Tên xã	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích rừng sinh trả tiền DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Xã Chà Cang	4.995,520	4.995,520	200.000	999.104.000	
2	Xã Chà Nưa	4.696,010	4.696,010	200.000	939.202.000	
3	Xã Chà Tở	4.639,410	4.639,410	200.000	927.882.000	
4	Xã Nà Búng	2.038,200	2.038,200	200.000	407.640.000	
5	Xã Nà Cô Sa	3.287,850	3.287,850	200.000	657.570.000	
6	Xã Nà Khoa	2.575,984	2.575,984	200.000	515.196.800	
7	Xã Nậm Chua	877,730	877,730	200.000	175.546.000	
8	Xã Nậm Khăn	7.309,730	7.309,730	200.000	1.461.946.000	
9	Xã Nậm Nhừ	874,270	874,270	200.000	174.854.000	
10	Xã Nậm Tín	1.656,730	1.656,730	200.000	331.346.000	
11	Xã Pa Tần	9.484,360	9.484,360	200.000	1.896.872.000	
12	Xã Phìn Hồ	1.292,650	1.291,597	200.000	258.319.400	
13	Xã Si Pa Phìn	340,750	334,074	200.000	66.814.800	
14	Xã Vàng Dán	2.093,960	2.093,960	200.000	418.792.000	
Tổng		46.163,154	46.155,425		9.231.085.000	

**TỔNG DIỆN TÍCH RỪNG CHỨA ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2020,
LƯU VỰC SÔNG ĐÀ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NẬM PỎ**

TT	Bên cung dịch vụ môi trường rừng	Diện tích rừng ứng DVMTR	Diện tích được chi trả tiền DVMTR	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[7]
I	Xã Nà Hỳ	2.301,560	2.301,560	
1	Cộng đồng bản Huổi Cơ Dạo	268,930	268,930	Chủ rừng không tham gia kế hoạch kiểm tra thực địa diện tích rừng cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà ngày 13/10/2020; UBND xã không xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng theo quy định
2	Cộng đồng bản Lai Khoang	33,390	33,390	
3	Cộng đồng bản Huổi Hoi	225,060	225,060	
4	Cộng đồng bản Huổi Sang	205,910	205,910	
5	Cộng đồng bản Nà Hỳ 1	336,830	336,830	UBND xã không xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng theo quy định
6	Cộng đồng bản Nà Hỳ 2	224,000	224,000	
7	Cộng đồng bản Sam Lang	500,690	500,690	
8	Cộng đồng bản Sín Chải	506,750	506,750	
II	Xã Nậm Tìn	789,840	789,840	
1	Cộng đồng bản Huổi Tang	395,370	395,370	Chủ rừng không tham gia kế hoạch kiểm tra thực địa diện tích rừng cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà ngày 15/10/2020
2	Cộng đồng bản Vàng Lếch	394,470	394,470	
III	Xã Phìn Hồ	2,010	2,010	
1	Thảo A Chu	2,010	2,010	Chủ rừng đã chết
Tổng		3.093,410	3.093,410	